



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAI NGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 167, số 07, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Nguyễn Đại Đồng - Hoạt động khai thác mỏ ở Lào Cai dưới thời Gia Long và Minh Mệnh	3
Dương Thị Huyền - Thương mại châu Âu và những tác động đến tình hình chính trị Đàng Trong thế kỷ XVI- XVIII	9
Trần Thị Nhung - Miêu tả tình tiết trong <i>Truyện Kiều</i> và <i>Kim Vân Kiều Truyện</i>	15
Nguyễn Thị Hải Phương - Bản chất của ngôn từ văn học (nghĩ từ bài viết <i>Bản chất xã hội, thẩm mỹ của diễn ngôn văn học</i> của Trần Đình Sử)	21
Phạm Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Thu Trang, Ngô Thị Lan Anh - Ảnh hưởng của lễ hội Vu Lan đến đời sống đạo đức của nhân dân huyện Quốc Oai, Hà Nội	25
Phạm Thị Ngọc Anh - Hình tượng văn thủy ba trong mỹ thuật cổ Việt Nam và các ứng dụng trên sản phẩm mỹ thuật tạo hình hiện đại	31
Trương Thị Phương - Giải pháp ứng dụng hiệu quả thông tin đồ họa trên báo điện tử	37
Phạm Thị Nhân - Ấn dụ từ vị giác “ngọt” trong tiếng Hán hiện đại	43
Lương Thị Thanh Dung - Sự khác nhau về kết cấu chữ Nôm của văn bản <i>Thiên tông bản hạnh</i> giữa bản in năm 1745 và bản in năm 1932	49
Nguyễn Thị Quế, Phạm Phương Hoa - Đánh giá sự phù hợp của giáo trình New English File đối với việc giảng dạy sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên	55
Hoàng Thị Thắm - Nghiên cứu về siêu nhận thức trong nghe tiếng Anh của sinh viên chương trình tiên tiến tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	61
Nguyễn Quỳnh Trang, Dương Công Đạt, Vũ Kiều Hạnh - Thiết kế chương trình hỗ trợ nói cho học sinh lớp 10 Trường Trung học Phổ thông Thái Nguyên	67
Nguyễn Khánh Như - Sự phát triển của hệ thống các trường đại học sư phạm trọng điểm Trung Quốc hiện nay	73
Nguyễn Văn Hồng, Vũ Thị Thanh Thủy - Dạy học theo dự án và vấn đề phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh trong dạy học Sinh thái học ở trung học phổ thông	79
Trần Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Hoa Hồng - Nâng cao tính ứng dụng trong xây dựng chương trình đào tạo đại học tại Việt Nam – bài học từ chương trình giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE)	85
Phạm Thị Bích Thảo, Nguyễn Thành Trung - Lựa chọn bài tập thể lực chuyên môn nâng cao kết quả học tập chạy cự ly ngắn cho sinh viên khóa 14 Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên	91
Lê Huy Hoàng, Nguyễn Thị Huyền, Nguyễn Thị Ngân, Vũ Thị Vân Anh - Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học của học sinh phổ thông trong dạy học các nội dung về hóa học hữu cơ chương trình hóa học lớp 12 nâng cao	97
Nguyễn Trọng Du - Phỏng vấn ‘nhóm tập trung’: một phương pháp thu thập dữ liệu hiệu quả với các nghiên cứu khoa học xã hội	103
Đỗ Thị Thái Thanh, Trương Tấn Hùng, Đào Ngọc Anh - Xây dựng hồ sơ năng lực bồi dưỡng giáo viên thể dục các trường trung học phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc	109
Nguyễn Ngọc Bình, Dương Tố Quỳnh, Nguyễn Văn Thanh - Thực trạng sử dụng hệ thống phương tiện chuyên môn trong giảng dạy môn bóng chuyền cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên	115
Lê Văn Hùng, Nguyễn Nhạ - Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động câu lạc bộ bóng đá nam sinh viên Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	119

Nguyễn Văn Dũng, Lê Văn Hùng - Một số giải pháp giúp sinh viên lựa chọn môn học tự chọn trong chương trình giáo dục thể chất dành cho sinh viên không chuyên thể dục thể thao Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	125
Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Trường Sơn, Đỗ Như Tiến - Một số kết quả ban đầu trong việc áp dụng CDIO để xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tại Đại học Thái Nguyên	131
Đỗ Quỳnh Hoa - Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng lối sống cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay	135
Phạm Văn Hùng, Nguyễn Huy Hùng - Đánh giá đầu ra của chương trình đào tạo qua mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp	141
Ngô Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thu Hiền - Yêu cầu khách quan của việc đổi mới quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông nước ta hiện nay	147
Trương Thị Thu Hương, Trương Tuấn Anh - Ứng dụng dạy học dự án trong đào tạo giáo viên kỹ thuật tại Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên	153
Dương Quỳnh Phương, Trần Việt Khanh, Đông Duy Khánh - Những nhân tố chi phối đến văn hóa tộc người và văn hóa cộng đồng dân tộc dưới góc nhìn địa lí học	159
Nguyễn Thị Thanh Tâm, Trần Quyết Thắng, Đào Thị Hương - Đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch đối với đội ngũ hướng dẫn viên du lịch tại một số công ty kinh doanh lữ hành trên địa bàn thành phố Thái Nguyên	165
Nguyễn Văn Chung, Đinh Hồng Linh - Các yếu tố thành công cho website thương mại điện tử: trường hợp doanh nghiệp du lịch nghỉ dưỡng vừa và nhỏ ở Quảng Bình	171
Đặng Thị Bích Huệ - Dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn tinh Tuyên Quang và các tác động đến đời sống người dân trên địa bàn xã Minh Quang, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang	177
Lương Văn Hinh, Lương Trung Thuyền - Nghiên cứu biến động giá đất ở trên địa bàn thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2011 – 2015	183
Nguyễn Tú Anh, Nguyễn Thị Lan Anh, Nguyễn Thành Minh - Nghiên cứu các mối quan hệ cung ứng dịch vụ quản trị hoạt động có dịch vụ trách nhiệm xã hội: trường hợp điển cứu tại các công ty dịch vụ vận tải chờ khách vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	189
Nguyễn Thị Thu Thương, Hoàng Ngọc Hiệp - Thực trạng quản lý vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên	193
Tạ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Mạnh Dũng - Tăng cường quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	199
Nguyễn Thị Kim Huyền - Ứng dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS): kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	205
Nguyễn Thị Nhung, Phan Thị Vân Giang - Tạo động lực cho các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân đầu tư trực tiếp ra nước ngoài	211
Phạm Thuý Linh, Phạm Hoàng Linh, Trần Thị Thu Trâm - Xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập mới	219
Nguyễn Thị Thu Trang, Trần Bích Thủy - Động lực làm việc của cán bộ công chức xã phường: nghiên cứu điển hình tại thành phố Thái Nguyên	225
Nguyễn Thu Thủy, Hoàng Thái Sơn - Bài học kinh nghiệm trong quản lý rủi ro thanh khoản đối với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	231
Ngô Thúy Hà - Định hướng phát triển dịch vụ tín dụng cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đến năm 2020	237
Đoàn Quang Thiệu - Một số kết quả xây dựng mô hình học tập, thực hành về kế toán doanh nghiệp	243

ỨNG DỤNG CHUẨN MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFRS): KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Kim Huyền*

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Dựa trên các Chuẩn mực kế toán Quốc tế (IAS) kết hợp vận dụng vào điều kiện thực tế ở Việt Nam, từ những năm đầu thế kỷ XXI, Bộ Tài chính đã tiến hành xây dựng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), đánh dấu sự ra đời của 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam đợt 1 vào ngày 31 tháng 12 năm 2001 và đến ngày 28 tháng 12 năm 2005 là sự ra đời của 4 chuẩn mực kế toán cuối cùng. Cho tới nay, tại Việt Nam, đã và đang áp dụng 26 chuẩn mực kế toán, xét về thực tế, VAS nói chung, VAS21 – Trình bày báo cáo tài chính nói riêng chưa thực sự “hòa hợp” với IAS, trong đó có IFRS. Bài viết này nhằm đề cập đến một số kinh nghiệm ứng dụng IFRS ở một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

Từ khóa: Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS), chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế (IFRS).

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong giai đoạn hội nhập kinh tế ngày càng sâu, rộng như hiện nay, vấn đề thông tin kế toán được công bố ra bên ngoài, vượt qua biên giới quốc gia là điều không tránh khỏi. Dữ liệu kế toán các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, không chỉ cần tuân thủ các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam, mà còn cần đáp ứng và phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS). Tuy nhiên, kể từ khi ra đời (giai đoạn 2001 - 2005) đến nay, sau hơn 10 năm 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam đi vào thực tế, chưa có sự thay đổi, hay chỉnh sửa, mặc dù thực tế nền kinh tế Việt Nam đã có khá nhiều thay đổi. Hai trong số những sự kiện đã làm thay đổi nền kinh tế Việt Nam phải kể đến đó là sự kiện Việt Nam tham gia vào Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2006 và sự kiện tham gia ký kết Tuyên bố Kuala Lumpur về việc thành lập cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2015.

Bên cạnh đó, sự ra đời của bộ ba Thông tư (Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính chính thức

áp dụng từ năm 2015 và Thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa chính thức áp dụng từ năm 2017) càng làm cho VAS không những chưa “hài hòa” với IAS, mà còn trở nên không còn phù hợp với chính Chế độ kế toán mới của Việt Nam.

Với việc tham gia vào WTO, cũng như AEC, bên cạnh những cơ hội lớn mang lại cho nền kinh tế Việt Nam nói chung, các doanh nghiệp nói riêng như: Cơ hội mở rộng thị trường, cơ hội thu hút vốn đầu tư nước ngoài, cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh, thì cũng có rất nhiều thách thức như: Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp nước ngoài, vấn đề trình độ lao động, vấn đề dịch vụ ... và đặc biệt là vấn đề minh bạch, công khai tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam cũng là một bài toán khó. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bên cạnh việc tuân thủ VAS, chế độ kế toán, cũng như pháp luật Việt Nam, thì hàng kỳ, các doanh nghiệp này cũng phải tiến hành lập báo cáo tài chính (Financial statements) theo ngôn ngữ của công ty quản lý ở nước ngoài. Rõ ràng, nếu báo cáo tài chính được lập theo VAS so với IAS/IFRS thì nội dung thông tin phản ánh trên các báo cáo tài chính này thực sự chưa đầy đủ theo nhu cầu của đối tượng quản lý, cũng như đối tượng quan tâm đến thông tin trên báo cáo

* Tel: 01276425704; Email: kimhuyen84@tmut.edu.vn

này của các doanh nghiệp (như: Nhà đầu tư, đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp, chủ nợ...)

Thực tế các nước cũng cho thấy, gần 1 thập kỷ qua, IFRS đã và đang trở thành tiêu chuẩn cho các báo cáo tài chính toàn cầu. Chất lượng của các báo cáo tài chính đã được công nhận khi IFRS được ứng dụng ở các quốc gia có nền kinh tế tiên tiến và phát triển.

Xuất phát từ thực tế áp dụng IFRS tại các nước trên thế giới hiện nay, cho thấy, đối với Việt Nam, vấn đề lập báo cáo tài chính theo IAS/IFRS là thực sự cần thiết, hoặc việc sửa đổi VAS liên quan đến lập, trình bày báo cáo tài chính theo hướng hội tụ với IFRS là điều tất yếu cần thực hiện. Bài viết này nhằm tổng hợp một số kinh nghiệm ứng dụng IFRS ở một số quốc gia trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.

CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU

Ngay từ khi bắt đầu xây dựng hệ thống VAS, Bộ Tài chính đã dựa trên các Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS/IFRS) theo nguyên tắc vận dụng có chọn lọc thông lệ quốc tế, phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam, trình độ quản lý của doanh nghiệp Việt Nam trong xu hướng hội nhập Quốc tế.

Về cơ bản, nội dung của các VAS do Bộ Tài chính ban hành thường bao gồm hai phần chính, đó là: (1) Quy định chung; (2) Nội dung chuẩn mực. Kèm theo VAS là các thông tư hướng dẫn chuẩn mực kế toán.

Còn các IAS/IFRS do Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) ban hành bao gồm ba phần chính: (1) Khuôn mẫu lý thuyết cho báo cáo tài chính; (2) Các Chuẩn mực Kế toán quốc tế (IAS) và các Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), thường được gọi tắt là IAS/IFRS; (3) Hướng dẫn giải thích chuẩn mực kế toán.

Tuy nhiên, giữa VAS và IAS/IFRS còn tồn tại khá nhiều điểm khác biệt (Bảng 1).

Bên cạnh đó, theo kết quả nghiên cứu công bố của tác giả Phạm Hoài Hương, thực hiện đo lường mức độ hòa hợp của VAS với IAS/IFRS liên quan đến 10 chuẩn mực cho thấy mức độ hòa hợp bình quân là 68%. Trong đó, các chuẩn mực về doanh thu

và chi phí có mức độ hòa hợp cao hơn các chuẩn mực về tài sản. Mức độ hòa hợp về đo lường (81,2%) cao hơn nhiều so với mức độ hài hòa về khai báo thông tin (57%) [1].

Bảng 1. Sự khác biệt giữa VAS và IAS/IFRS

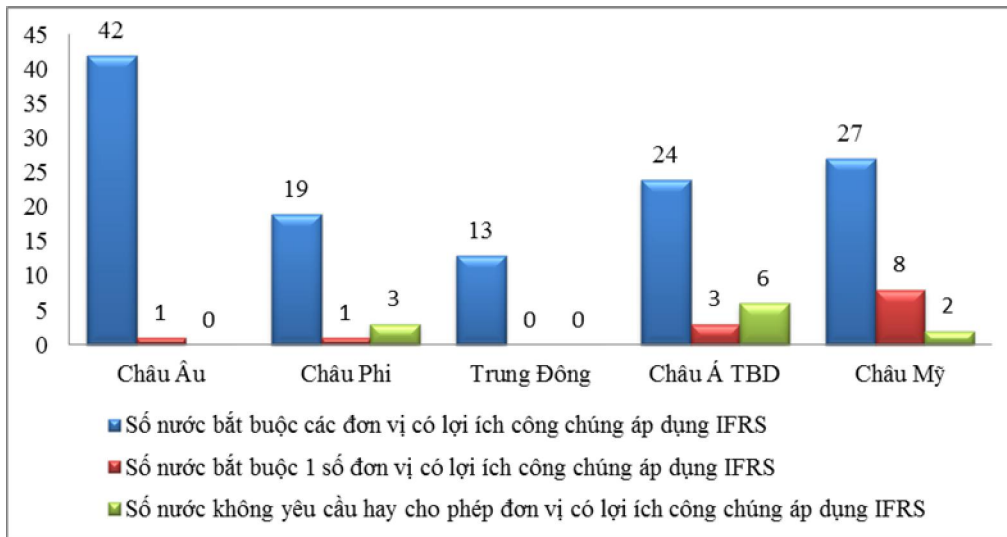
VAS	IAS/IFRS
Chưa có sự thống nhất cao giữa các chuẩn mực với chế độ kế toán hiện hành.	Có bộ khung khái niệm và tính thống nhất cao giữa các chuẩn mực.
VAS được xây dựng dựa trên hệ thống IAS/IFRS được ban hành trong những năm 2003 trở về trước, đến nay chưa có sự thay đổi.	IAS/IFRS luôn thay đổi và mới đây nhất, tháng 01/2016, IFRS16 được ban hành, thay thế cho IAS17.
Yêu cầu các công ty, doanh nghiệp khi xây dựng, lập báo cáo tài chính phải dựa trên hệ thống biểu mẫu theo quy định.	Không bắt buộc các công ty, doanh nghiệp phải sử dụng chung các biểu mẫu báo cáo tài chính để lập các báo cáo này.
Quy định cơ sở đo lường tài sản dựa trên giá gốc.	Quy định cơ sở đo lường tài sản dựa trên giá trị hợp lý.
Không đề cập đến phương pháp ước tính giá trị hàng tồn kho	Cho phép sử dụng phương pháp ước tính giá trị hàng tồn kho.
Chưa có các Chuẩn mực liên quan đến các lĩnh vực nông nghiệp, khai khoáng, môi trường, thị trường công cụ tài chính phái sinh...	Có đầy đủ các Chuẩn mực cho cả các lĩnh vực khó như khoáng sản, nông nghiệp, thị trường công cụ tài chính phái sinh, môi trường...

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

Như vậy, về cơ bản, VAS chưa thực sự “hòa hợp” với IAS/IFRS, hay nói cách khác, đang tồn tại một khoảng cách không nhỏ giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam với Chuẩn mực kế toán quốc tế, đây là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hội nhập quốc tế về kế toán của Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập thông tin: Thông tin thứ cấp qua các nguồn chủ yếu là sách, báo, các ấn phẩm đã ban hành, các đề tài nghiên cứu khoa học đã được công bố liên quan đến vấn đề nghiên cứu ở Việt Nam và các nước trên Thế giới.



Hình 1. Các quốc gia áp dụng IFRS theo khu vực tính đến tháng 12/2016

(Nguồn: <http://www.ifrs.org>)

Phương pháp phân tích: Sử dụng để đối chiếu hệ thống VAS với IAS/IFRS, giữa thực tế lập báo cáo tài chính tại Việt Nam với những yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế.

Từ các thông tin thu thập và tổng hợp được tiến hành phân tích thực trạng ứng dụng IAS/IFRS tại Việt Nam, tìm ra nguyên nhân, kết hợp phân tích thực tế áp dụng IAS/IFRS tại một số quốc gia trên thế giới, qua đó có thể rút ra bài học phù hợp với thực tế ở Việt Nam.

ỨNG DỤNG IFRS TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Tính đến tháng 12/2016, trong 149 quốc gia cho phép áp dụng rộng rãi IFRS, có 125 quốc gia (chiếm 83,89%) yêu cầu tất cả các tổ chức, đơn vị có lợi ích công chúng đều phải lập BCTC theo IFRS, 13 quốc gia (tương ứng với 8,72%) yêu cầu một số tổ chức, đơn vị có lợi ích công chúng phải lập báo cáo tài chính theo IFRS, 11 quốc gia (tương ứng với 7,38%) không yêu cầu hay cho phép các tổ chức, đơn vị có lợi ích công chúng lập báo cáo tài chính theo IFRS và Việt Nam là một trong số những quốc gia chưa áp dụng IFRS (hình 1).

Thực trạng ứng dụng IAS/IFRS tại Việt Nam

Tính đến nay tại Việt Nam có 5 ngân hàng thương mại (Bao gồm: Ngân hàng Việt Nam

thịnh vượng, Ngân hàng ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu) và 1 tổ chức tín dụng (Tập đoàn Bảo Việt) đã áp dụng IFRS trong việc lập Báo cáo tài chính. Tổ chức phi tín dụng Vingroup đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính theo cả VAS và IAS/IFRS. Còn lại, đại đa số các ngân hàng, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam không áp dụng hay công bố báo cáo tài chính theo IAS/IFRS. Về cơ bản, có thể kể đến các lý do (cũng là các yếu tố tác động) dẫn đến thực tế trên, đó là:

(1) *Hệ thống khuôn khổ pháp lý:* Liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán, đang tồn tại khá nhiều hệ thống văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp (bao gồm: Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC; Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC; Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Chế độ kế toán đối với các công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam...), Quy định về quản lý tài chính, Quy định của cơ quan thuế. Sự tồn tại quá nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực này đã phần nào làm mất đi tính thống nhất giữa các quy định, cũng như tạo ra những vướng mắc khi muốn áp dụng IAS.

(2) *Cơ chế, chính sách*: Tính đến nay, Việt Nam chưa có tuyên bố chính thức công nhận, cũng như tuân thủ toàn bộ IAS/IFRS hay tuyên bố áp dụng một phần IAS/IFRS. Cuối năm 2016, Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán mới đưa ra thảo luận về lộ trình áp dụng IAS/IFRS tại Việt Nam, chưa có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nào được ban hành liên quan đến vấn đề trên.

(3) *Nguồn nhân lực*: Nhân lực kế toán hiện nay của Việt Nam đang được đào tạo trên cơ sở Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chưa đào tạo chuyên sâu về IAS/IFRS ở bậc đại học, số lượng học phần giảng dạy về kế toán quốc tế còn ít. Bên cạnh đó, khả năng ngoại ngữ của sinh viên kế toán khi ra trường cũng chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đọc, hiểu và vận dụng IAS/IFRS. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang rất thiếu đội ngũ kế toán viên có đầy đủ 2 yếu tố giỏi chuyên môn và giỏi ngoại ngữ.

(4) *Hệ thống thông tin*: Một trong những yêu cầu khi gia nhập thị trường chung ASEAN, cũng như lập báo cáo tài chính theo IAS/IFRS là công khai, chia sẻ thông tin tài chính một cách chi tiết, đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên, vấn đề chia sẻ thông tin tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chưa thể đảm bảo yêu cầu trên, cũng chưa sẵn sàng chia sẻ thông tin một cách minh bạch nhất ra bên ngoài. Bên cạnh đó, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho công tác hạch toán kế toán chưa được thiết kế, cũng như đáp ứng được yêu cầu trong việc lập báo cáo tài chính theo IAS/IFRS.

Thực tế ứng dụng IAS/IFRS tại một số quốc gia trên thế giới

Tại Trung Quốc: Tính đến nay, Trung Quốc là một trong số những quốc gia cho phép các công ty được lựa chọn sử dụng IAS/IFRS hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tùy thuộc đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của chính doanh nghiệp. Cụ thể là:

- Dựa trên các IAS/IFRS, Trung Quốc xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia, bộ tiêu chuẩn này có sự phù hợp đáng kể với IAS/IFRS.
- Trung Quốc cho phép các công ty chỉ thực

hiện giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Trung Quốc đại lục được lựa chọn sử dụng tiêu chuẩn quốc gia. Đối với các công ty giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Hồng Kông có thể lựa chọn áp dụng IAS/IFRS, Chuẩn mực Báo cáo tài chính Hồng Kông (HKFRS) hoặc chuẩn mực kế toán Trung Quốc (ASBEs) trong việc lập Báo cáo tài chính cho các nhà đầu tư Hồng Kông. Cho phép các công ty Trung Quốc có mục đích kinh doanh ở Mỹ và châu Âu áp dụng theo IAS/IFRS.

Tại Ấn Độ: Dựa trên IAS/IFRS, Ấn Độ đã xây dựng và thông qua chuẩn mực kế toán Ấn Độ (IndAS), nhìn chung nội dung của IndAS có sự phù hợp với IAS/IFRS và được áp dụng cho các công ty niêm yết lớn. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng khuyến khích các công ty niêm yết sử dụng IAS/IFRS trên tinh thần tự nguyện.

Tại Nhật Bản: Nhật Bản quy định các công ty niêm yết có thể lựa chọn sử dụng chuẩn mực kế toán Nhật, IAS/IFRS hoặc US GAAP. Việc áp dụng IAS/IFRS được chấp nhận hoàn toàn tại thị trường Nhật Bản. Tính đến tháng 5/2015, đã có 85 công ty Nhật Bản áp dụng IAS/IFRS, 30 công ty đang xem xét chuyển sang IAS/IFRS.

Tại Thụy Sĩ: Thụy Sĩ đồng ý cho các công ty, kể cả hệ thống ngân hàng lựa chọn sử dụng Chuẩn mực kế toán Thụy Sĩ (Swiss GAAP FER), Chuẩn mực kế toán Mỹ (US GAAP). Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Thụy Sĩ cũng đưa ra các quy định liên quan đến vấn đề áp dụng IFRS cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tính đến tháng 5/2015, đã có 91% trong tổng số 130 công ty niêm yết sử dụng IAS/IFRS. Có thể thấy rằng, IAS/IFRS đã và đang được thừa nhận rộng rãi tại quốc gia này.

Tại Mỹ: Ủy ban chứng khoán Mỹ (SEC) cho phép các công ty nước ngoài niêm yết được lập Báo cáo tài chính theo IFRS mà không cần chỉnh hợp theo US GAAP. Tuy nhiên, cho tới nay US GAAP và IAS/IFRS chưa thực sự hội tụ.

Tại Liên minh châu Âu – EU: Cộng đồng này phê duyệt áp dụng rộng rãi IAS/IFRS, ngoại trừ IAS39 liên quan đến ghi nhận và xác định giá trị các công cụ tài chính.

Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Về cơ bản, cho đến nay, Việt Nam chưa có quy định nào liên quan đến vấn đề ứng dụng IFRS trong các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Mặt khác, VAS chưa thực sự phù hợp với IAS/IFRS là một trong những trở ngại cho các công ty trên trong việc gửi báo cáo tài chính về nước. Dựa trên kinh nghiệm của một số quốc gia đã thực hiện áp dụng IFRS trong giới hạn, hoặc áp dụng IFRS một cách rộng rãi, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam để ứng dụng IAS/IFRS trong thời gian tới như sau:

Đối với Bộ Tài chính, cần ban hành quy định lựa chọn hình thức áp dụng IAS/IFRS. Dựa trên kinh nghiệm của các quốc gia đã áp dụng IAS/IFRS, cho thấy, có hai hình thức áp dụng IAS/IFRS, đó là: Tuyên bố áp dụng IAS/IFRS và phê duyệt áp dụng từng chuẩn mực IAS/IFRS cụ thể.

Với việc tuyên bố áp dụng IAS/IFRS, lợi ích mà hình thức này mang lại bao gồm:

- Thường xuyên cập nhật được sự thay đổi của IAS/IFRS;
- Tiết kiệm chi phí trong việc biên dịch, xây dựng lại hệ thống chuẩn mực.

Tuy nhiên, việc tuyên bố áp dụng IAS/IFRS chưa thể thực hiện tại Việt Nam, bởi hiện tại IAS/IFRS không tương thích với luật và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Bên cạnh đó là số lượng cán bộ, nhân viên kế toán trong các doanh nghiệp có khả năng đọc, hiểu IAS/IFRS tại Việt Nam không nhiều. Ngoài ra, hệ thống chia sẻ thông tin của Việt Nam cũng chưa đáp ứng được nhu cầu ứng dụng toàn bộ IAS/IFRS.

Với việc phê duyệt áp dụng từng chuẩn mực IAS/IFRS cụ thể sẽ giúp cho các doanh nghiệp không phải mất thời gian trong việc đọc, lựa chọn các chuẩn mực áp dụng khi thực hiện lập báo cáo tài chính theo IAS/IFRS. Tuy nhiên, nhược điểm của việc phê duyệt áp dụng từng chuẩn mực IAS/IFRS đó là không thể cập nhật kịp thời sự thay đổi của IAS/IFRS; tốn chi phí trong việc tổ chức phê duyệt; cần đầu tư về mặt nhân lực để thực

hiện tốt nhiệm vụ này.

Dù lựa chọn phương pháp áp dụng nào thì cũng luôn tồn tại những lợi ích và khó khăn nhất định, theo đó Vụ Chế độ kế toán, kiểm toán cần cân nhắc để tham mưu cho Bộ Tài chính lựa chọn phương pháp phù hợp với đặc thù của Việt Nam, cũng như lợi ích mang lại so với chi phí bỏ ra là tối ưu nhất.

Bên cạnh các quy định lựa chọn hình thức áp dụng IAS/IFRS, Bộ Tài chính cần lập kế hoạch cụ thể, nhưng hiệu quả, tránh tâm lý hoang mang cho doanh nghiệp và người làm công tác kế toán. Kế hoạch cần:

- Xác định lộ trình áp dụng chi tiết: trước hết nên áp dụng cho khu vực có lợi ích công chúng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài rồi mở rộng ra các doanh nghiệp cần thu hút, hoặc cần thực hiện vay vốn nước ngoài.
- Xác định các vấn đề liên quan đến việc áp dụng IAS/IFRS như hệ thống đường truyền thông tin, nâng cấp hệ thống phần mềm kế toán theo hướng quốc tế, đào tạo trình độ kế toán, đào tạo triển khai IFRS, các chi phí cho việc triển khai áp dụng.
- Xây dựng cơ chế, chính sách, khung giám sát chặt chẽ cho phép các doanh nghiệp áp dụng IFRS.
- Thực hiện kiểm tra việc áp dụng IFRS trong các doanh nghiệp sau khi đã triển khai kế hoạch áp dụng.

Ngoài ra, đối với những doanh nghiệp không cần thiết phải áp dụng IAS/IFRS, Bộ có thể cho phép các doanh nghiệp này được lựa chọn sử dụng VAS hay IAS/IFRS tùy đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của chính doanh nghiệp đó. Song song với sự cho phép này, tiến hành xây dựng, đổi mới VAS theo hướng phù hợp với IAS/IFRS, điều này sẽ giúp các doanh nghiệp tránh được khó khăn, tiết kiệm chi phí vì không phải thực hiện chuyển đổi áp dụng từ VAS sang IAS/IFRS.

Đối với doanh nghiệp: Bên cạnh tuân thủ các quy định, cũng như kế hoạch đưa IAS/IFRS áp dụng trong lập báo cáo tài chính do Bộ tài chính đưa ra, doanh nghiệp cần chủ động chuẩn bị nguồn tài chính, nâng cấp hệ thống phần mềm, cũng như đào tạo nhân lực kế toán

có thể đọc, hiểu và vận dụng IAS/IFRS.

Đối với các tổ chức, trường đại học đào tạo kế toán: Cần xây dựng phương án giải bài toán liên quan đến đào tạo đội ngũ kế toán, đội ngũ kiểm toán viên và nhân sự sao cho họ phải có sự am hiểu về IAS/IFRS để có thể thực hiện, ứng dụng trong tổ chức hệ thống báo cáo tài chính, cũng như kiểm tra thông tin trên các báo cáo này.

KẾT LUẬN

Nói tóm lại, việc áp dụng IAS/IFRS tại Việt Nam đang là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp, cũng như các nhà hoạch định chính sách. Thách thức ở đây không chỉ xuất phát từ sự chi tiết, phức tạp của nội dung, khuôn khổ, cũng như sự thay đổi thường xuyên của IAS/IFRS, mà còn xuất phát từ chính khuôn khổ pháp luật, cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực và hệ thống thông tin của Việt Nam. Để có thể sớm đưa lộ trình áp dụng IAS/IFRS vào lập báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp Việt Nam, Bộ Tài chính, các cơ quan chức năng có liên quan cần dựa trên kinh nghiệm của các quốc gia đi trước, tiến hành nhiều giải pháp cả trong ngắn

hạn và dài hạn, đặc biệt là các giải pháp liên quan đến môi trường pháp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hoài Hương (2010), “Mức độ hài hòa giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ*, ĐH Đà Nẵng, 5(40), tr. 155 – 164.
2. IFRS Foundation (2016), *Financial Reporting Standards for the World Economy*.
3. Olfa Nafti, Emna Boumediene and Salem Lotfi Boumediene (2013), “IAS-IFRS Adoption Impact on Accounting Information: The Case of France”, *Journal of Modern Accounting and Auditing*, 9(3), pp. 321-334.
4. Pascal Dumontier and Bernard Raffournier (1998), “Why Firms Comply Voluntarily with IAS: An Empirical Analysis with Swiss Data”, *Journal of International Financial Management & Accounting*, 9(3), pp. 216-245.
5. Salvador Carmona and Marco Trombetta (2008), “On the global acceptance of IAS/IFRS accounting standards: The logic and implications of the principles-based system”, *Journal of Accounting and Public Policy*, 27(6), November–December 2008, pp. 455–461.
6. <http://asean.org/articles-on-aec-2015/>
7. <http://www.ifrs.org>

SUMMARY

IMPLEMENTATION OF INTERNATIONAL FINANCIAL REPORTING STANDARDS (IFRS): INTERNATIONAL EXPERIENCES AND LESSONS FOR VIET NAM

Nguyen Thi Kim Huyen*
University of Technology – TNU

Since early 21st century, the Ministry of Finance of Vietnam has launched the Vietnam Accounting Standards (VAS) basing on the International Accounting Standards (IAS), which has been implemented practically in Vietnam. The first 04 VAS were launched on December 31st, 2001 and the final 04 VAS were on December 28th, 2005. Currently, Vietnam is applying 26 VAS, of which VAS No. 21 - Presentation of Financial Statements does not comply with IAS, including IFRS. This article reviews the experiences of several countries in the world and provides suggested lessons for the implementation of IFRS in Viet Nam.

Keywords: *Vietnam Accounting Standards (VAS), International Accounting Standards (IAS), International Financial Reporting Standards (IFRS).*

Ngày nhận bài: 15/02/2017; Ngày phản biện: 07/3/2017; Ngày duyệt đăng: 28/6/2017

* Tel: 01276425704, Email: kimhuyen84@tnut.edu.vn